

TÒA ÁN NHÂN DÂN

HUYỆN N

TỈNH NINH BÌNH

Bản án số: 43/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 06/9/2018.

V/v ly hôn giữa chị H và anh Đ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N, TỈNH NINH BÌNH

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lã Thị Khuy.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Phiếu

2. Ông Tạ Khắc Nghĩa.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Trần Thanh Xuân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện

N.

Trong ngày 06/9/2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện N xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 135/2018/TLST-HNGĐ ngày 14/6/2018 về việc: “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 39/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 06/8/2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 22/2018/QĐST-HNGĐ ngày 23/8/2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Đặng Thị H, sinh năm 1995.

Địa chỉ: Thôn 2, xã L, huyện N, tỉnh Ninh Bình (có mặt).

- Bị đơn: Anh Lê Quang Đ, sinh năm 1990.

Địa chỉ: Thôn L 1, xã L, huyện N, tỉnh Ninh Bình (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn yêu cầu ly hôn ngày 28/5/2018 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Đặng Thị H trình bày: Tôi và anh Lê Quang Đ có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện N, tỉnh Ninh Bình ngày 29/02/2016 dựa trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn chúng tôi sống chung tại nhà bố mẹ anh Đ tại thôn L 1, xã L, huyện N, tỉnh Ninh Bình cho đến khi vợ chồng tôi sống ly thân. Về tình cảm vợ chồng: Vợ chồng tôi sống với nhau không có hạnh phúc. Nguyên nhân là do chúng tôi không hợp nhau nên trong cuộc sống luôn thường xuyên va chạm, cãi vã với nhau. Hai bên gia đình đã nhiều lần giải quyết nhưng không có hiệu quả, kể từ tháng 4/2016 tôi bỏ về nhà bố mẹ đẻ tôi sinh sống và chúng tôi sống ly thân từ đó không ai quan tâm đến ai. Nay tôi xác định tình

cảm vợ chồng tôi không còn, tôi đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với anh Đạo.

Về con chung - Tài sản chung - Công nợ chung: Không có nên tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với anh Lê Quang Đ: Mặc dù anh Đ đã nhận được tất cả các văn bản tố tụng của Tòa án, nhưng anh Đ không có văn bản trả lời thông báo thụ lý vụ án của Tòa án không đến làm việc với Tòa án.

Tại phiên tòa hôm nay: Chị H vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn với anh Đạo.

Anh Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về thủ tục tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án Tòa án nhân dân huyện N đã ra thông báo về việc thụ lý vụ án; Giấy triệu tập đương sự; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tuy không tổng đạt trực tiếp cho anh Đ, nhưng toàn bộ các văn bản tố tụng đó Tòa án đã giao cho ông Lê Văn P (Bố đẻ anh Đ) và ông P xác nhận đều đã giao cho anh Đ. Tuy nhiên anh Đ không có văn bản trả lời thông báo về việc thụ lý vụ án và không đến làm việc với Tòa án một lần nào. Vì vậy Tòa án đã lập biên bản về việc không hòa giải được và thông báo kết quả phiên họp về việc kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho anh Đ; ra quyết định đưa vụ án ra xét xử. Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 39/2018/QĐST-HNGĐ đã được tổng đạt trực tiếp cho ông P, ông P xác nhận cũng đã giao cho anh Đ, nhưng anh Đ không có mặt tại phiên tòa. Căn cứ khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự quy định: Hoãn phiên tòa do bị đơn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ nhất. Tòa án nhân dân huyện N đã ra Quyết định hoãn phiên tòa số 22/2018/QĐST-HNGĐ ngày 23/8/2018 và tiếp tục triệu tập hợp lệ đối với anh Đ, nhưng anh Đ vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự quy định: Xét xử trong trường hợp bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh Đ và giao bản án cho anh Đ hoặc niêm yết bản án theo luật định là hoàn toàn phù hợp với quy định của pháp luật.

Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của chị Đặng Thị H: Yêu cầu ly hôn với anh Lê Quang Đ. Hội đồng xét xử nhận thấy:

Về hôn nhân: Chị Đặng Thị H và anh Lê Quang Đ kết hôn với nhau có Đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L ngày 29/02/2016 trên cơ sở tự nguyện đó là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn họ cùng nhau sống chung với bố mẹ anh Đ là gia

đình ông Lê Văn P tại thôn L 1, xã L, huyện N, tỉnh Ninh Bình. Nhưng trong cuộc sống vợ chồng họ không có hạnh phúc, sau khi kết hôn 02 tháng thì họ đã sống ly thân không ai quan tâm đến ai cho đến nay. Mặc dù hai bên gia đình nhà chị H và gia đình nhà anh Đ đã nhiều lần can thiệp nhưng không có hiệu quả. Điều này được chứng minh qua lời khai của chị H, ông P và kết quả xác minh tại Ủy ban nhân dân xã L. Đủ cơ sở để khẳng định: Mâu thuẫn vợ chồng chị H, anh Đ đã thực sự sâu sắc, đời sống chung không còn tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay chị H vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Anh Đ không thể hiện quan điểm của mình đối với yêu cầu khởi kiện của chị H và không đến làm việc với Tòa án một lần nào, mặc dù anh Đ hoàn toàn biết việc Tòa án đang giải quyết vụ kiện theo yêu cầu xin ly hôn của chị H đối với anh, chứng tỏ anh Đ không hề có thiện trí để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Vì vậy cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị H là phù hợp với thực trạng tình cảm vợ chồng giữa họ và phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình quy định về: “Ly hôn theo yêu cầu một bên”.

Về nuôi con chung - Về tài sản chung - Công nợ chung: Chị H xác định không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí sơ thẩm: Chị H phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật là 300.000 đồng, được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí ly hôn chị H đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 5, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228, Điều 266, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng:

- Điều 56 Luật hôn nhân và Gia đình;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Đặng Thị H và anh Lê Quang Đ;

2. Về con chung - Tài sản chung - Công nợ chung: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết vì không có.

3. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị H phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí ly hôn chị H đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tiền số 0000835 ngày 14 tháng 6 năm 2018 của Cơ quan thi hành án dân sự. Như vậy chị H không phải nộp tiền án phí ly hôn nữa;

4. Án xử công khai sơ thẩm chị H có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh Đ có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án theo luật định./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND huyện N;
- THADS huyện N;
- Những người tham gia tố tụng;
- UBND xã L;
- Lưu HS./.

**TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

LÃ THỊ KHUY